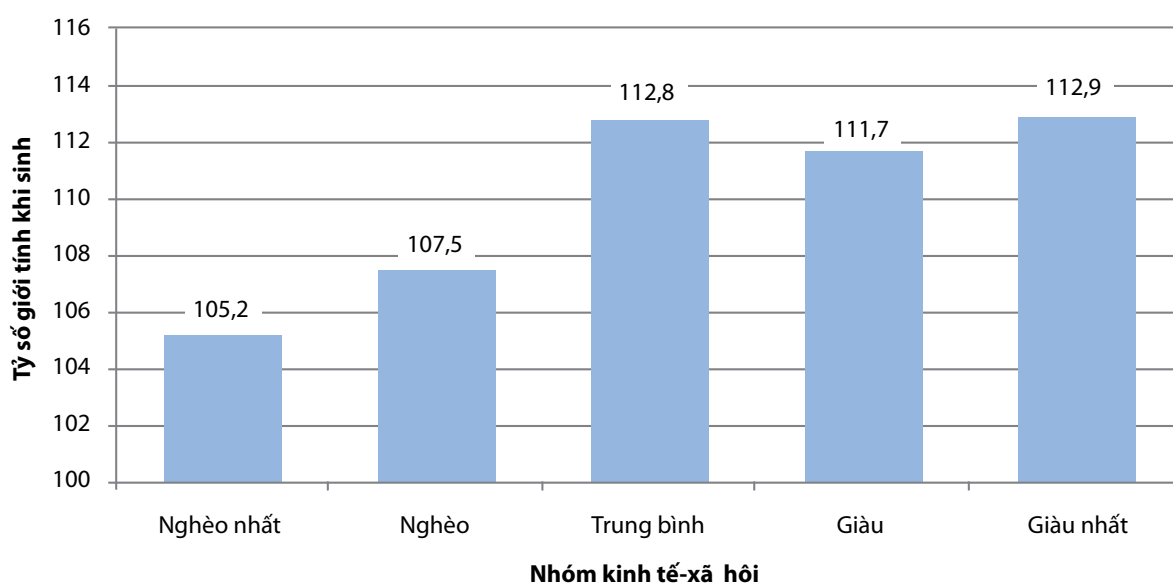


## 7. MỨC SỐNG VÀ TSGTKS

Các đặc điểm về hộ gia đình như trang thiết bị hiện đại, nguồn nước uống, chất lượng nhà ở được trình bày trong phần trên không giải thích được tâm lý ưa thích con trai và tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh. Mối liên quan trực tiếp giữa TSGTKS với sử dụng máy giặt là không có ý nghĩa về mặt xã hội trừ phi các biến số dạng này được coi là các biến số gián tiếp biểu thị cho mức kinh tế hộ gia đình. Vì thế, một chỉ báo tổng hợp được xây dựng dựa trên các đặc điểm nhà ở và hộ gia đình để phản ánh tình trạng kinh tế hộ gia đình. Dựa trên chỉ báo này tất cả các hộ gia đình và thành viên hộ được phân theo các nhóm kinh tế-xã hội (quy trình này được mô tả trong Phụ lục 7). Chỉ số này cho phép chia số sinh theo tình trạng kinh tế-xã hội của hộ gia đình của người mẹ theo năm nhóm: từ mức 20% nghèo nhất đến 20% giàu nhất.

**Hình 8: TSGTKS theo năm nhóm kinh tế-xã hội của hộ gia đình**

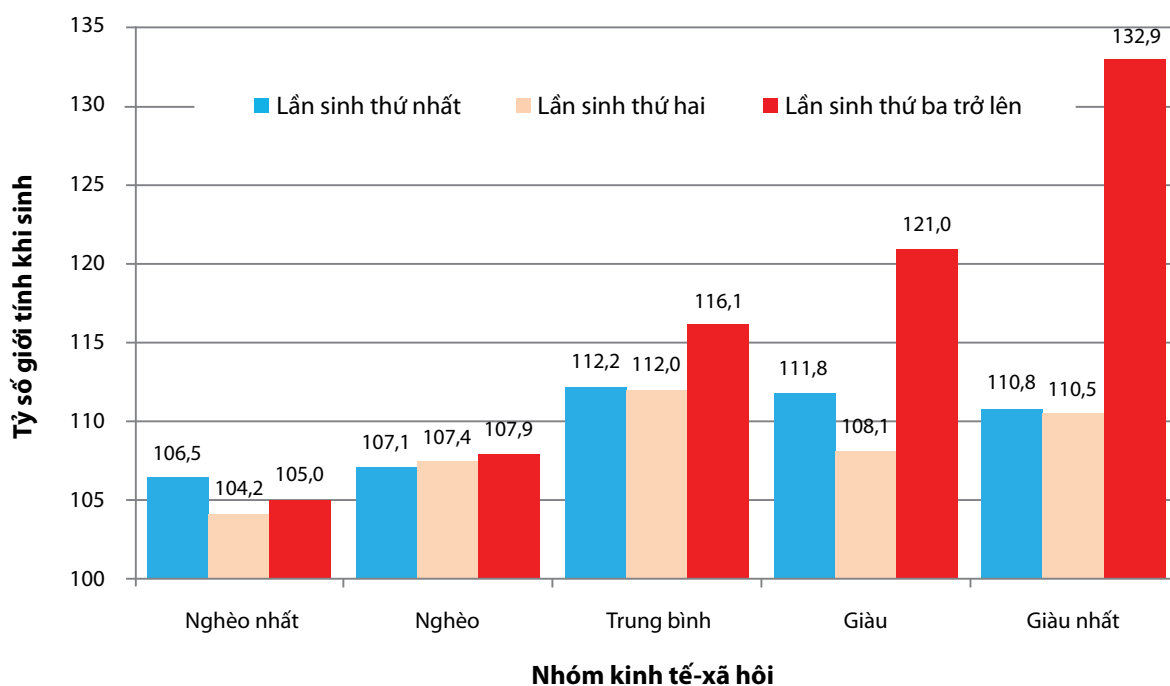


Hình 8 trình bày TSGTKS theo tình trạng kinh tế-xã hội của hộ gia đình. Kết quả thu được cho thấy có mối quan hệ khá rõ ràng giữa hai biến này: nhóm dân cư nghèo nhất có TSGTKS ở mức bình thường, xấp xỉ giá trị 105. Kết quả này cũng tương đương với những quan sát về TSGTKS theo các biến số cá nhân khác của người mẹ như tình trạng không biết chữ, hoặc thuộc dân tộc ít người. Khi tình trạng kinh tế-xã hội nâng lên thì TSGTKS cũng tăng theo. TSGTKS thấp nhất ở nhóm nghèo nhất và tăng lên mức 107,5 ở nhóm nghèo, và tới 112,8 ở nhóm trung bình. TSGTKS ở 3 nhóm dân cư giàu nhất, chiếm 60% dân số, không khác nhau nhiều và xoay quanh giá trị 112. Sự khác biệt rõ rệt về TSGTKS giữa các nhóm nghèo và các nhóm giàu hơn cho thấy mất cân bằng giới tính khi sinh có liên quan chặt chẽ với tình trạng kinh tế-xã hội tốt hơn. Một điều khá rõ ràng là sự khác biệt TSGTKS theo tình trạng kinh tế-xã hội cũng tương tự như khác biệt của tỷ số này theo trình độ giáo dục của bà mẹ (xem Hình 6). Mặc dù khác biệt của TSGTKS theo tình trạng kinh tế-xã hội là tương đối lớn, xu hướng tương tự cũng được quan sát thấy: các nhóm có trình độ phát triển xã hội thấp (không biết

chữ, nghèo đói) có TSGTKS thấp, trong khi đó nhóm phát triển xã hội cao, có trình độ giáo dục cao dần trở lên hoặc có mức sống cao có TSGTKS cao.

Khi xem xét theo thứ tự sinh, sự khác biệt của TSGTKS theo năm nhóm kinh tế xã hội càng được khẳng định. Hình 9 trình bày TSGTKS theo tình trạng kinh tế-xã hội và thứ tự sinh. Kết quả cho thấy mức độ gia tăng TSGTKS ở các lần sinh đầu (lần thứ nhất và thứ hai) là ngang nhau ở nhóm kinh tế-xã hội trung bình. Nhưng đối với các lần sinh sau (từ lần sinh thứ ba trở lên) thì TSGTKS đã tăng lên một cách đều đặn và liên tục, từ mức bình thường 105 trong nhóm hộ gia đình nghèo nhất, đến mức 133 ở nhóm giàu nhất. Mặc dù TSGTKS của nhóm giàu nhất được tính trên mẫu có số ca sinh nhỏ, kết quả cũng cho thấy các hộ gia đình thuộc nhóm kinh tế khá giả đã cố gắng áp dụng lựa chọn giới tính trước sinh sau hai lần sinh đầu tiên. Số liệu cũng cho thấy mức độ lựa chọn giới tính ở lần sinh thứ nhất và thứ hai tăng dần theo trình độ kinh tế-xã hội, nhưng sự gia tăng rõ ràng hơn ở các lần sinh sau.

**Hình 9: TSGTKS theo năm nhóm kinh tế-xã hội và thứ tự sinh**



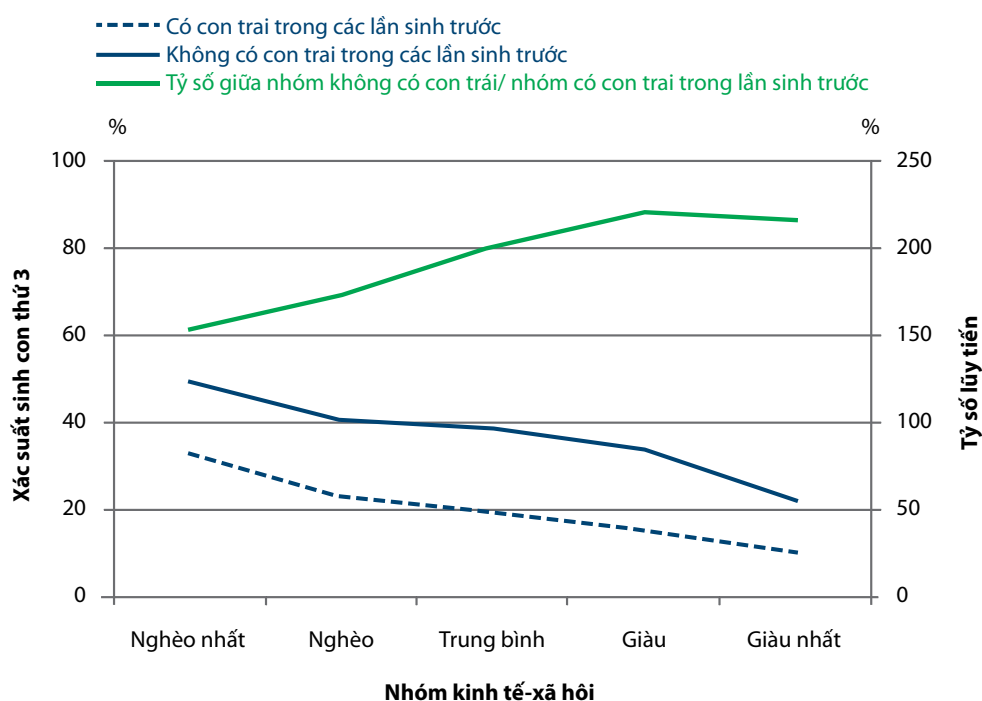
Một cách khác để đánh giá mức độ ưa thích con trai là phân tích tỷ số lũy tiến theo thứ tự sinh, tức là tính toán xác suất sinh thêm con theo cơ cấu giới tính của gia đình (Haughton và Haughton 1995). Với sự hỗ trợ của biện pháp tránh thai hiện đại, các cặp vợ chồng có thể điều chỉnh quy mô gia đình dựa trên số con và cơ cấu giới tính của các đứa con đã có. Hành vi lựa chọn giới tính này khá phổ biến ở Việt Nam và giải thích tại sao lần sinh cuối cùng thường là con trai hơn là con gái (xem Phụ lục 2). Việc tính toán tỷ số lũy tiến theo thứ tự sinh đòi hỏi thông tin chi tiết về lịch sử sinh sản của tất cả phụ nữ - nhưng những thông tin này không được thu thập trong TĐTDS, do vậy việc tính toán tỷ số này không thể thực hiện được. Tuy nhiên sử dụng phương pháp phân tích thiết lập lại cơ cấu gia đình (xem Phụ lục 6) cho phép ước lượng xác suất có thêm con dựa trên cơ cấu giới tính của số con đã có. Kết quả cho thấy việc chưa có con trai trong gia đình là yếu tố quan trọng làm gia tăng xác suất có thêm con.

Chỉ báo về tỷ số lũy tiến theo thứ tự sinh này cũng được xem xét theo tình trạng kinh tế-xã hội. Tỷ số này được ước lượng cho nhóm trẻ em dưới 15 tuổi (sinh sau năm 1994) khi ước tính

xác suất sinh thêm con của các hộ gia đình. Phân tích được tập trung vào đứa con thứ hai vì tỷ số lũy tiến từ 2 con lên 3 con là rất nhạy cảm khi tổng tỷ suất sinh đã giảm xuống dưới 3 con từ hơn một thập kỷ qua. Khi xem xét theo tình trạng kinh tế-xã hội, đối với các gia đình có ít nhất hai con, xác suất có thêm con thứ ba được tính toán dựa trên việc có hay không có con trai trong hai người con đầu tiên.

Các kết quả phân tích được tóm tắt trong Hình 10. Hai đường cong đi xuống màu xanh thể hiện xác suất có con thứ ba trong các gia đình đã có hai con. Đúng như dự tính, xác suất sinh con thứ ba giảm khi tình trạng kinh tế-xã hội tăng lên. Điều này phản ánh trực tiếp mối quan hệ ngược chiều giữa tình trạng kinh tế-xã hội và mức sinh. Tuy nhiên, những gia đình đã có con trai trong lần sinh đầu (đường kẻ chấm) có tỷ số lũy tiến thấp hơn rõ ràng so với các gia đình chưa có con trai (đường kẻ liền). Sự khác biệt này được quan sát thấy rõ ràng qua tất cả các nhóm kinh tế-xã hội. Điều này cho thấy tâm lý ưa thích con trai là một động lực mạnh mẽ làm gia tăng quy mô gia đình và phổ biến ở tất cả các thành phần trong xã hội. Thực tế là việc không có con trai trong các gia đình Việt Nam có tác động đến xác suất sinh con thứ ba, cũng tương tự như tác động của tình trạng kinh tế-xã hội hộ gia đình.

**Hình 10: Xác suất sinh con thứ 3 theo năm nhóm kinh tế-xã hội và tình trạng có hay không có con trai trong các lần sinh trước**



Hình 10 cũng cho thấy khả năng sinh con thứ ba khi không có con trai trong các lần sinh trước, được biểu diễn bằng tỷ số của hai xác suất, tăng lên theo trình độ kinh tế-xã hội. Xác suất này là khoảng hơn 1,5 ở nhóm kinh tế-xã hội thấp nhất và 2,2 ở nhóm kinh tế-xã hội cao nhất. Nỗ lực sinh bằng được con trai khi chưa có con trai trong các lần sinh trước vì thể lớn hơn trong các nhóm gia đình khá giả hơn. Điều này có tác động rõ ràng đến hành vi lựa chọn giới tính. Như minh họa trong Hình 9, TSGTKS thường rất cao ở các lần sinh thêm trong các gia đình khá giả do khả năng tiếp cận với công nghệ chọn lọc giới tính hiện đại.

Những kết quả rút ra từ số liệu trên khá rõ ràng: trong xã hội khi tư tưởng thích con trai còn mạnh mẽ thì tình trạng kinh tế-xã hội là một trong những yếu tố có tác động mạnh mẽ nhất đến hiện tượng mất cân bằng giới tính khi sinh. Một vài yếu tố trung gian cũng đóng góp vào mối quan hệ này như khả năng tiếp cận sớm với các công nghệ hiện đại tại các cơ sở y tế trong khu vực đô thị. Các gia đình khá giả với những phụ nữ có trình độ giáo dục cao hơn và khả năng tài chính tốt hơn có xu hướng tiếp cận dễ dàng hơn với thông tin, vì vậy thường là những người đi đầu tiếp cận với các kỹ thuật lựa chọn giới tính hiện đại. Một yếu tố quan trọng khác liên quan đến các hộ gia đình khá giả là mức sinh thấp, làm tăng nhu cầu lựa chọn giới tính trước sinh.